

Bản án số: 47/2019/DS-ST

Ngày: 27/3/2019

V/v: “Tranh chấp đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;
2. Ông Nguyễn Hòa Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp. HCM tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Ngọc Châu– Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 03 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Tp. HCM mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 434/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2018 về vụ kiện “Tranh chấp đòi tài sản”, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Thái Bình; Tạm trú: 128/8 đường D, phường E, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị T; Địa chỉ: 473A5/15 đường F, phường K, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản không hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ sơ và tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Trong quá trình quen biết tại nơi làm việc, ngày 10/02/2014 bà T có mượn của bà số tiền là 4.000.000 đồng. Bà T hứa trả lãi hàng tháng theo thỏa thuận. Hẹn trong vòng 12 tháng sẽ trả vốn. Sau khi mượn bà T chỉ trả lãi mà không trả vốn.

Thời gian trả lãi từ 10/02/2014 đến 10/02/2015 mỗi lần trả lãi không viết giấy tờ, số tiền lãi đã trả là 4.800.000 đồng. Từ 11/02/2018 đến nay bà T không trả cho bà bất cứ khoản tiền nào.

Vì vậy, yêu cầu bà Đỗ Thị T thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ là 5.008.000 đồng (gốc là 4.000.000 đồng, lãi là 1.008.000 đồng) ngay khi bản án quyết định của Tòa có hiệu lực.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Giấy triệu tập; thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn bà Đỗ Thị T vẫn không đến không có lý do nên tòa không ghi nhận được ý kiến và vẫn xét xử.

***Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng năm 2015. Bị đơn bà Đỗ Thị T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức:

[1] Đơn kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 được quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Đỗ Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa vào ngày 27/2/2019, sau đó đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không cử người đại diện, thuộc trường hợp cố tình vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[3] Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là bà Đỗ Thị H trả số tiền theo giấy biên nhận ngày 10/2/2014. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về quan hệ tranh chấp là tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”, là loại tranh chấp về hợp đồng dân sự.

[4] Bị đơn là bà Đỗ Thị H cư trú là tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về yêu cầu của các đương sự:

Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[5] Căn cứ theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn, giấy biên nhận ngày 10/2/2014 và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ căn cứ kết luận: bà H đã cho T vay số tiền 4.000.000 đồng.

[6] Căn cứ vào giấy biên nhận ngày 10/2/2014 có chữ ký của bà Đỗ Thị T có đủ căn cứ khẳng định trong ngày 10/02/2014 bà T đã nhận tiền 4.000.000 đồng. Đã qua thời gian cam kết trả nợ nhưng bà Đỗ Thị T chưa trả vốn gốc. Do vậy, bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án buộc bà Đỗ Thị T phải trả cho bà T số tiền gốc 4.000.000 đồng và tiền lãi là 1.008.000 đồng. Tổng cộng là 5.008.000 đồng.

[7] Xét về thời hạn trả nợ: Theo thỏa thuận trong giấy biên nhận ngày 10/2/2014 thì chậm nhất là tháng 02/2015 trả hết nợ gốc 4.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả nợ là đã vi phạm thỏa thuận về thời gian trả nợ, nay bà Nguyễn Thị H khởi kiện phía bà Đỗ Thị T vẫn không đến giải quyết cho thấy bị đơn không có thiện chí, việc kéo dài thời gian sẽ gây thiệt thòi đến quyền lợi của nguyên đơn. Vậy trước yêu cầu của bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Đỗ Thị T trả ngay làm 01 lần số tiền gốc 4.000.000 đồng và tiền lãi là 1.008.000 đồng. Tổng cộng là 5.008.000 đồng trong hạn một tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy: Về mức lãi suất vay, trong giấy biên nhận ngày 10/2/2014 không thể hiện mức lãi suất, tuy nhiên, tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2018 và bản khai bà H trình bày bà nhận tiền lãi của bà T từ 10/2/2014 đến 10/02/2015 với số tiền 4.800.000 đồng (tương ứng là 400.000 đồng/tháng), mức lãi một tháng đóng 10% tiền lãi, mức lãi suất này cao hơn so với quy định tại khoản 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[8] Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, mức lãi suất các bên thỏa thuận không vượt quá 13.5%/năm theo quy định tại Điều 476, khoản 2 Điều 477 của Bộ luật Dân sự. Do đó, tiền lãi T phải trả cho bà H là: 4.000.000đồng x 13,5%/năm x 05 năm 01 tháng 17 ngày = 2.760.000 đồng.

Tuy nhiên, số tiền lãi bà H đã nhận là 4.800.000 đồng nhưng theo quy định bà T chỉ phải trả số tiền lãi đến ngày xét xử là 2.760.000 đồng. Do đó, số tiền lãi trả dư là 2.040.000 đồng, số tiền này cần được trừ vào tiền nợ gốc 4.000.000 đồng. Do đó, bà T phải trả cho bà H số tiền 1.960.000 đồng.

[9] Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng phần tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu Tòa án không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 184, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 105, Điều 274, Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí toà án;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về hình thức:

Xử vắng mặt bị đơn bà Đỗ Thị T

2. Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Đỗ Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.960.000 đồng (Một triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng) làm một lần trong hạn một tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng)

Bà H phải chịu tiền án phí tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0026433 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy bà H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn bà H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKS ND Q.7;
- Chi cục THA DS Q.7;
- Đường sự;
- Lưu, hồ sơ (X.Duyên).

Đinh Hữu Đức